TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-ST.
Ngày: 04 - 7 - 2024.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa*:** Bà Phùng Kim Tho - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 356/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 41 & 45, đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Vĩnh N, sinh năm 1974; chức vụ: Cán bộ Phòng thu hồi nợ - khối RB và bà Trần Hồng N, sinh năm 1989; chức vụ: Trưởng nhóm Phòng xử lý nợ - khối vận hành (Giấy ủy quyền số: 133/2023/UQ-OCB ngày 13/6/2023).

Địa chỉ chi nhánh: Số 81 - 83, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- ***Bị đơn***: Anh Trần Hữu Đ, sinh năm 1989 và chị Bùi Thị Mỹ P, sinh năm 1988; cùng nơi cư trú: Số nhà 70, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P: Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 67, đường Đ, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1969;

2. Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1991;

3. Anh Lê Minh T, sinh năm 1989;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 34, ấp T, xã M, huyện Ô, tỉnh V, các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2023 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 14/4/2022, Ngân hàng cùng anh Đ và chị P sau khi thỏa thuận đã ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ để vay vốn tại Ngân hàng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 0192/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 14/4/2022 và khế ước nhận nợ số 0192/2022/KUNN-OCB-CN, ngày 27/12/2022 để vay số tiền 830.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh quán ăn, thời hạn vay là 4 tháng, lãi suất cho vay cố định 14%/năm và cố định suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0192/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 14/4/2022 và khế ước nhận nợ số 0192/2022/KUNN-OCB-CN, ngày 27/12/2022 anh Đ và chị P đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY361441, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS23497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 24/02/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 07/7/2021 và được công chứng tại Văn phòng công chứng Tạ Thị T theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0192/2022/BĐ, ngày 14/4/2022.

Ngoài ra vào ngày 21/4/2022 Ngân hàng còn cấp cho anh Đ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và Đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0272 ngày 21/4/2022, loại thẻ tín dụng Master Card, số tiền là 40.000.000 đồng, mục đích vay là cấp hạn mức thẻ tín dụng, không có biện pháp bảo đảm, lãi suất thẻ theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh Đ và chị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều yêu cầu anh Đ và chị P thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng nhưng anh Đ và chị P vẫn không thực hiện; đến ngày 27/4/2023 thì

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 0192/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 14/4/2022 và khế ước nhận nợ số 0192/2022/KUNN-OCB-CN, ngày 27/12/2022 sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P trả cho Ngân hàng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 0192/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 14/4/2022 và thẻ tín dụng theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và Đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0272 ngày 21/4/2022 tính đến ngày 04/7/2024 là 1.052.569.622 đồng, trong đó nợ gốc 830.000.000 đồng, nợ lãi 222.569.622 đồng, nợ thẻ tín dụng là 46.757.867 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 05/7/2024 cho đến khi anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng; anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật; trường hợp anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0192/2022/BĐ, ngày 14/4/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Đại diện bị đơn tại phiên hòa giải có trình bày: Thừa nhận bị đơn có vay tiền của ngân hàng, thừa nhận số nợ do ngân hàng nêu là đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí theo quy định, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký; anh Đ, chị P có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thành phố V và Hợp đồng được ký kết, thực hiện tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn, thể hiện bị đơn có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 870.000.000 đồng là sự thật, (Hợp đồng tín dụng số: 0192/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 14/4/2022 và thẻ tín dụng theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và Đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0272 ngày 21/4/2022), khi thực hiện trả nợ theo định kỳ bị đơn thực hiện không đúng, tính đến ngày 04/7/2024 là 1.052.569.622 đồng, trong đó nợ gốc 830.000.000 đồng, nợ lãi 222.569.622 đồng, nợ thẻ tín dụng là 46.757.867 đồng, nên ngân hàng kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự . Ngân hàng còn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và thấy việc xem xét, thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền 2.500.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu số tiền nêu trên là đúng theo quy định khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp trước, nên buộc bị đơn nộp lại để trả cho nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Kiểm sát viên đề nghị không xử lý tài sản thế chấp đối với số nợ thẻ tín dụng, từ đó đề nghị nguyên đơn phải chịu án phí là chưa hợp lý, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản tiền như sau:

**** Đối với nợ vay:***

- Tiền nợ gốc 830.000.000 đồng *(tám trăm ba mươi triệu đồng);*

- Tiền nợ lãi 222.569.622 đồng *(hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng);*

Tổng cộng 1.052.569.622 đồng (*một tỉ không trăm năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng*).

* Đối với thẻ tín dụng:

- Tiền nợ gốc 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*);

- Tiền nợ lãi 12.374.468 (*mười hai triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng*);

Tổng cộng bằng 46.757.867 đồng (bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 05/7/2024 anh Đ, chị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 0192/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 14/4/2022 và thẻ tín dụng theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và Đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0272 ngày 21/4/2022.

Trường hợp, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ, thì lãi suất mà anh Đ và chị P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp, ông Đ, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY361441, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS23497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 24/02/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 07/7/2021, đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0192/2022/BĐ, ngày 14/4/2022).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P nộp 44.979.800 đồng (*bốn mươi bốn triệu chín trăn bảy mươi chín ngàn tám trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh Trần Hữu Đ và chị Bùi Thị Mỹ P nộp 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này được trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 19.518.000 đồng (*mười chín triệu năm trăm mười tám ngàn đồng*) mà ngân hàng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0002274 ngày 26/7/2023 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng